

Kiến tạo khung pháp lý cho kinh tế bạc ở Việt Nam: Từ chính sách người cao tuổi đến hệ sinh thái phát triển có trách nhiệm

09:22 30/07/2026

(Pháp lý). Già hóa dân số đang chuyển từ một vấn đề an sinh thành biến số cấu trúc của phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam. Trong khi pháp luật hiện hành đã thiết lập nền tảng về chăm sóc, phụng dưỡng và phát huy vai trò người cao tuổi, các cấu phần của kinh tế bạc như chăm sóc dài hạn, tiêu chuẩn dịch vụ, bảo vệ người tiêu dùng cao tuổi, công nghệ hỗ trợ, lao động bạc và quản trị dữ liệu vẫn phân tán.

Tóm tắt: Bài viết sử dụng phương pháp phân tích quy phạm, phân tích chính sách và so sánh pháp luật có chọn lọc để đánh giá khoảng cách giữa khung pháp luật hiện hành và yêu cầu hình thành hệ sinh thái kinh tế bạc. Kết quả nghiên cứu chỉ ra năm điểm nghẽn: tư duy chính sách còn thiên về bảo trợ; thiếu chế định chăm sóc dài hạn; thị trường dịch vụ chưa được chuẩn hóa; cơ chế phát huy lao động và tri thức của người cao tuổi còn mờ nhạt; dữ liệu và điều phối liên ngành chưa đáp ứng yêu cầu. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất khung “kinh tế bạc có trách nhiệm”, gắn kiến tạo thị trường với bảo vệ quyền, phẩm giá, tài sản và dữ liệu của người cao tuổi; đồng thời kiến nghị lộ trình sửa đổi Luật Người cao tuổi, thí điểm chăm sóc dài hạn, chuẩn hóa nhà cung cấp, tăng cường bảo vệ người tiêu dùng và xây dựng cơ chế điều phối quốc gia.

Từ khóa: kinh tế bạc; người cao tuổi; chăm sóc dài hạn; bảo vệ người tiêu dùng; quản trị dữ liệu; hoàn thiện pháp luật.

BUILDING A LEGAL FRAMEWORK FOR THE SILVER ECONOMY IN VIET NAM: FROM OLDER-PERSON POLICY TO A RESPONSIBLE DEVELOPMENT ECOSYSTEM

Abstract: Population ageing is evolving from a social-protection issue into a structural variable of Viet Nam's socio-economic development. Although the existing legal framework provides a foundation for the care, support and social participation of older persons, core components of the silver economy—including long-term care, service standards, protection of older consumers, assistive technologies, later-life employment and data governance—remain fragmented. This article applies doctrinal legal analysis, policy analysis and selective comparative law to assess the gap between current Vietnamese law and the requirements of a functioning silver-economy ecosystem. It identifies five bottlenecks: a welfare-dominated policy mindset; the absence of a coherent long-term-care regime; insufficient standardisation of relevant products and services; underdeveloped mechanisms for mobilising older persons' labour and knowledge; and weak inter-agency data governance and coordination. The article proposes a “responsible silver economy” framework that combines market creation with the protection of older persons' rights, dignity, assets and personal

data. It recommends a phased reform agenda centred on amending the Law on the Elderly, piloting regulated long-term-care models, standardising providers and contracts, strengthening consumer protection and establishing a national coordination and monitoring mechanism.

Keywords: *silver economy; older persons; long-term care; consumer protection; data governance; legal reform.*

1. Đặt vấn đề

Già hóa dân số đang trở thành một trong những biến số cấu trúc quan trọng của quá trình phát triển Việt Nam. Các dự báo dân số mới cho thấy trong khoảng một thập niên tới, hơn một phần năm dân số có thể ở độ tuổi từ 60 trở lên; Việt Nam đồng thời phải xử lý tốc độ già hóa nhanh, thời gian chuẩn bị ngắn và sự khác biệt lớn giữa các vùng, nhóm thu nhập và giới tính. Già hóa tác động trực tiếp đến y tế, an sinh xã hội, thị trường lao động, cấu trúc gia đình, tiêu dùng, tiết kiệm, nhà ở và ngân sách nhà nước.^[1]

Tuy nhiên, già hóa không chỉ làm tăng chi phí. Người cao tuổi còn là chủ thể quyền, người tiêu dùng, người lao động, người nắm giữ tài sản và nguồn tri thức xã hội. Cách tiếp cận kinh tế bạc vì vậy chuyển trọng tâm từ câu hỏi “xã hội phải chi bao nhiêu để chăm sóc người cao tuổi” sang câu hỏi rộng hơn: pháp luật và chính sách cần tổ chức lại thị trường, dịch vụ công, công nghệ và quan hệ liên thế hệ như thế nào để người cao tuổi được sống độc lập, an toàn và tiếp tục đóng góp. Báo cáo của Ủy ban châu Âu cũng xem kinh tế bạc là tổng thể hoạt động kinh tế đáp ứng nhu cầu của nhóm dân số lớn tuổi và các tác động kinh tế phát sinh từ chi tiêu của họ.^[2]

Việt Nam không bắt đầu từ khoảng trống hoàn toàn. Luật Người cao tuổi năm 2009, Chiến lược quốc gia về người cao tuổi đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045 và các luật về bảo vệ người tiêu dùng, bảo hiểm xã hội, lao động, y tế và dữ liệu cá nhân đã tạo nền tảng quan trọng. Tháng 3/2026, Chính phủ tiếp tục đặt vấn đề phát triển kinh tế bạc như một động lực tăng trưởng và yêu cầu chuyển hóa thách thức già hóa thành cơ hội phát triển. Dù vậy, nền tảng hiện hành vẫn chủ yếu vận hành theo logic chăm sóc, trợ giúp và phát huy vai trò ở mức nguyên tắc; chưa hình thành một khung pháp lý liên ngành cho chăm sóc dài hạn, chuẩn dịch vụ, tài chính tuổi già, công nghệ hỗ trợ, lao động bạc và quản trị dữ liệu.^[3]

Từ đó, bài viết trả lời ba câu hỏi: (i) kinh tế bạc nên được định vị như thế nào trong hệ thống pháp luật và chính sách Việt Nam; (ii) những điểm nghẽn pháp lý nào đang cản trở việc hình thành hệ sinh thái này; và (iii) lộ trình cải cách nào có thể đồng thời kiến tạo thị trường và bảo vệ người cao tuổi. Đóng góp chính của bài viết là đề xuất khung “kinh tế bạc có trách nhiệm”, trong đó phát triển sản

phẩm, dịch vụ và công nghệ phải gắn với quyền, phẩm giá, an toàn, khả năng chi trả và quyền tự quyết của người cao tuổi.

2. Phương pháp nghiên cứu và khung phân tích

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng ba nhóm phương pháp. Thứ nhất, phương pháp phân tích quy phạm được dùng để hệ thống hóa và đánh giá Luật Người cao tuổi, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân và các chính sách liên quan. Trọng tâm không chỉ là sự tồn tại của quy định, mà còn là mức độ kết nối giữa quyền của người cao tuổi, điều kiện cung ứng dịch vụ, cơ chế tài chính và trách nhiệm của cơ quan quản lý.

Thứ hai, phương pháp phân tích chính sách được dùng để nhận diện điểm nghẽn theo chuỗi: xác định nhu cầu - thiết kế dịch vụ - cấp phép và tiêu chuẩn - chi trả - giám sát - khiếu nại và bồi thường. Thứ ba, so sánh pháp luật có chọn lọc được thực hiện với Liên minh châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc và Singapore. Các trường hợp này không được xem là mô hình để sao chép, mà là nguồn tham chiếu về bốn chức năng thể chế: đo lường thị trường bạc; tổ chức chăm sóc dài hạn; quản trị dịch vụ tại cộng đồng; và bảo vệ người cao tuổi trong môi trường số.

2.2. Khung “kinh tế bạc có trách nhiệm”

Khái niệm kinh tế bạc không nên bị thu hẹp thành thị trường viện dưỡng lão hoặc sản phẩm dành riêng cho người cao tuổi. Nó bao gồm y tế dự phòng, chăm sóc dài hạn, phục hồi chức năng, nhà ở thích ứng, giao thông, công nghệ hỗ trợ, tài chính tuổi già, bảo hiểm, du lịch, học tập suốt đời, việc làm linh hoạt và dịch vụ cộng đồng. Đồng thời, cần phân biệt ngưỡng tuổi dùng cho phân tích thị trường với ngưỡng tuổi pháp lý: nhiều nghiên cứu quốc tế sử dụng nhóm 50+ hoặc 65+, trong khi Luật Người cao tuổi xác định người cao tuổi là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi.^[4]

Khung “kinh tế bạc có trách nhiệm” gồm bốn trụ cột. Một là bảo vệ quyền, phẩm giá, quyền tự quyết và an toàn của người cao tuổi. Hai là coi chăm sóc dài hạn là hạ tầng xã hội, không phải trách nhiệm riêng của gia đình. Ba là kiến tạo thị trường sản phẩm, dịch vụ và công nghệ có tiêu chuẩn, minh bạch và cơ chế khiếu nại hiệu quả. Bốn là phát huy người cao tuổi như chủ thể lao động, tri thức và tham gia cộng đồng. Cách tiếp cận này phù hợp với Chương trình hành động của Thập kỷ Già hóa khỏe mạnh của Liên hợp quốc, trong đó nhấn mạnh môi trường thân thiện với tuổi già, chăm sóc tích hợp lấy con người làm trung tâm và quyền tiếp cận chăm sóc dài hạn có chất lượng.^[5]

3. Nền tảng pháp luật hiện hành và các điểm nghẽn thể chế

3.1. Nền tảng hiện hành: đã có chính sách người cao tuổi nhưng chưa có khung kinh tế bạc

Luật Người cao tuổi năm 2009 ghi nhận quyền được bảo đảm nhu cầu cơ bản, được chăm sóc sức khỏe, tham gia hoạt động văn hóa - xã hội và phát huy vai trò; đồng thời phân công trách nhiệm cho gia đình, Nhà nước và xã hội. Chiến lược quốc gia năm 2025 tiếp tục đặt mục tiêu nâng cao chất lượng sống, chăm sóc sức khỏe, trợ giúp xã hội và tạo điều kiện để người cao tuổi tham gia lao động, học tập và đời sống cộng đồng. Đây là nền tảng chuẩn tắc quan trọng.^[6]

Tuy nhiên, khung này chưa định hình đầy đủ một hệ sinh thái kinh tế bạc. Pháp luật chưa có định nghĩa thống nhất về chăm sóc dài hạn, chưa phân loại rõ dịch vụ chăm sóc tại nhà, bán trú, nội trú, chăm sóc sa sút trí tuệ, phục hồi chức năng và chăm sóc cuối đời. Các quy định về điều kiện cung ứng, chuẩn năng lực nhân viên, hợp đồng dịch vụ, cơ chế kiểm định chất lượng và trách nhiệm khi xảy ra lạm dụng còn phân tán. Mặt khác, các chính sách về bảo hiểm, dữ liệu, công nghệ, nhà ở và lao động lớn tuổi chưa được kết nối thành một chương trình phát triển có mục tiêu và chỉ số chung.

3.2. Khoảng trống về chăm sóc dài hạn và cơ chế chi trả

Chăm sóc dài hạn là điểm nghẽn lớn nhất. Trong thực tế, gia đình vẫn là nguồn chăm sóc chủ yếu, còn dịch vụ chuyên nghiệp phát triển không đồng đều và tập trung ở nhóm có khả năng chi trả. Khi nhu cầu chăm sóc bệnh mạn tính, suy giảm chức năng và sa sút trí tuệ tăng lên, mô hình dựa chủ yếu vào lao động chăm sóc không trả công sẽ tạo áp lực đặc biệt đối với phụ nữ, làm giảm cơ hội việc làm và làm tăng bất bình đẳng giữa các hộ gia đình.

Pháp luật hiện hành có các quy định về chăm sóc sức khỏe và cơ sở bảo trợ, nhưng chưa thiết lập quy trình đánh giá nhu cầu chăm sóc, “gói dịch vụ” tối thiểu, chuẩn đầu ra, cơ chế cấp phép thống nhất và phương thức tài chính đa tầng. Nếu mở rộng thị trường trước khi có chuẩn dịch vụ, rủi ro lạm dụng, bỏ mặc, thu phí không minh bạch và chất lượng không đồng đều sẽ tăng. Ngược lại, nếu chỉ dựa vào ngân sách và cơ sở công, khả năng bao phủ sẽ hạn chế. Vì vậy, vấn đề pháp lý không chỉ là có thêm cơ sở chăm sóc, mà là tổ chức một hệ thống có trách nhiệm từ đánh giá nhu cầu đến thanh toán và giám sát.

3.3. Khoảng trống về thị trường và bảo vệ người tiêu dùng cao tuổi

Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023 đã xác định người cao tuổi là người tiêu dùng dễ bị tổn thương và yêu cầu tổ chức kinh doanh ưu tiên tiếp nhận, xử lý yêu cầu bảo vệ quyền lợi của nhóm này. Đây là bước tiến đáng kể nhưng chưa đủ đối với những giao dịch có rủi ro cao như hợp đồng dưỡng lão, bảo hiểm, tín dụng, đầu tư, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thiết bị y tế, dịch vụ chăm sóc tại nhà và nền tảng số.^[7]

Trong các giao dịch đó, rủi ro không chỉ đến từ hành vi lừa đảo rõ ràng, mà còn từ thông tin khó hiểu, thiết kế hợp đồng phức tạp, bán hàng gây áp lực, định giá thiếu minh bạch và loại trừ số. Pháp luật cần chuyển từ bảo vệ chung sang nghĩa vụ giải thích tăng cường, thông tin ở định dạng dễ tiếp cận, thời gian cân nhắc, kiểm soát quảng cáo và cơ chế giải quyết tranh chấp nhanh. Nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc phải có nghĩa vụ riêng về bảo mật, phòng ngừa lạm dụng, quản lý thuốc, báo cáo sự cố và bảo đảm quyền thăm gặp, giao tiếp, chấm dứt dịch vụ của người được chăm sóc.

3.4. Khoảng trống về lao động bạc và an sinh tuổi già

Bộ luật Lao động năm 2019 điều chỉnh lộ trình tăng tuổi nghỉ hưu và cho phép sử dụng người lao động cao tuổi theo thỏa thuận phù hợp với sức khỏe. Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 đồng thời mở rộng trợ cấp hưu trí xã hội cho một số nhóm không có lương hưu. Tuy nhiên, tăng tuổi nghỉ hưu không đồng nghĩa với chính sách lao động bạc.^[8]

Một chính sách đầy đủ phải tạo các kênh việc làm bán thời gian, cố vấn chuyên môn, truyền nghề, khởi nghiệp muộn, học tập suốt đời và tình nguyện; đồng thời ngăn phân biệt đối xử theo tuổi và không biến việc kéo dài lao động thành giải pháp bù đắp thiếu hụt an sinh. Mục tiêu là mở rộng quyền lựa chọn: người cần nghỉ ngơi được bảo đảm thu nhập và chăm sóc; người còn năng lực và mong muốn đóng góp có môi trường làm việc phù hợp, an toàn và được tôn trọng.

3.5. Khoảng trống về dữ liệu, công nghệ và điều phối liên ngành

Kinh tế bạc cần dữ liệu vượt ra ngoài thống kê tuổi: tình trạng chức năng, bệnh mạn tính, nhu cầu chăm sóc, khả năng chi trả, nhà ở, kỹ năng số, việc làm, cô đơn xã hội và khả năng tiếp cận dịch vụ. Tuy nhiên, việc kết nối dữ liệu y tế, an sinh, bảo hiểm, dân cư và dịch vụ tư nhân làm phát sinh rủi ro xâm phạm quyền riêng tư. Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 tạo khung bảo vệ mới, trong đó dữ liệu sức khỏe và các dữ liệu nhạy cảm đòi hỏi mức bảo vệ cao hơn.^[9]

Vì vậy, “giám sát thông minh” hoặc nền tảng chăm sóc số không thể dựa trên thu thập dữ liệu không giới hạn. Mỗi chương trình phải xác định rõ mục đích, dữ liệu tối thiểu, thời hạn lưu giữ, quyền truy cập, cơ chế đồng ý, quyền sửa dữ liệu và trách nhiệm khi xảy ra rò rỉ hoặc quyết định sai. Đồng thời, cần một đầu mối điều phối liên ngành đủ thẩm quyền để kết nối y tế, lao động - xã hội, tài chính, xây dựng, giao thông, công thương và chính quyền địa phương; nếu không, kinh tế bạc sẽ tiếp tục là tập hợp các sáng kiến rời rạc.

4. Kinh nghiệm quốc tế và bài học pháp lý

4.1. Liên minh châu Âu: đo lường cơ hội thị trường nhưng đặt trên nền tảng quyền xã hội

Liên minh châu Âu tiếp cận kinh tế bạc như một không gian tăng trưởng liên ngành, từ y tế, chăm sóc, nhà ở đến du lịch và công nghệ. Tuy nhiên, cách tiếp cận thị trường được đặt trong Trụ cột quyền xã hội châu Âu, trong đó quyền tiếp cận chăm sóc dài hạn có chất lượng, đặc biệt chăm sóc tại nhà và cộng đồng, được coi là nguyên tắc chính sách. Bài học quan trọng là đo lường thị trường không thể tách khỏi xác lập chuẩn dịch vụ và quyền tiếp cận. [\[10\],\[11\]](#)

4.2. Nhật Bản và Hàn Quốc: thể chế hóa chăm sóc dài hạn

Luật Bảo hiểm chăm sóc dài hạn của Nhật Bản thiết lập hệ thống dựa trên nguyên tắc liên đới xã hội, hướng đến duy trì phẩm giá và đời sống độc lập của người cần chăm sóc; chính quyền địa phương giữ vai trò tổ chức bảo hiểm và đánh giá nhu cầu. Hàn Quốc cũng xây dựng chế độ bảo hiểm chăm sóc dài hạn, quy định rõ đối tượng, nhà cung cấp, nhân lực, cơ chế đóng góp và ưu tiên dịch vụ tại nhà. [\[12\],\[13\]](#)

Điểm có thể tham khảo không phải là sao chép ngay một loại bảo hiểm bắt buộc, mà là trình tự thể chế hóa: trước hết phải định nghĩa dịch vụ, đánh giá nhu cầu, chuẩn hóa nhà cung cấp và dữ liệu; sau đó mới lựa chọn cơ chế tài chính. Nếu tài chính hóa khi chưa có chuẩn đầu ra, hệ thống có thể tăng chi phí mà không bảo đảm chất lượng.

4.3. Singapore: ageing in place và quản trị dịch vụ cộng đồng

Chương trình Age Well SG hướng đến giúp người cao tuổi duy trì hoạt động, kết nối xã hội và tiếp cận chăm sóc ngay trong cộng đồng. Mạng lưới Active Ageing Centres, nhà ở và hạ tầng thân thiện tuổi già được phối hợp với dịch vụ chăm sóc, phục hồi và kết nối tình nguyện. Bài học cho Việt Nam là địa phương phải trở thành cấp tổ chức thực hiện, nhưng đổi mới mô hình phải đi cùng cấp phép, tiêu chuẩn, quản trị dữ liệu và cơ chế khiếu nại. [\[14\]](#)

5. Đề xuất hoàn thiện pháp luật và chính sách

5.1. Ban hành Đề án quốc gia và sửa đổi Luật Người cao tuổi theo hướng kiến tạo phát triển

Trước hết, cần ban hành Đề án quốc gia về phát triển kinh tế bạc đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045, đồng bộ với Chiến lược quốc gia về người cao tuổi. Đề án phải xác định khái niệm, phạm vi, lĩnh vực ưu tiên, bộ chỉ tiêu thống kê, cơ chế điều phối, nguồn lực và trách nhiệm công bố kết quả. Nghị quyết số 66-NQ/TW yêu cầu pháp luật chuyển từ tư duy thiên về quản lý sang kiến tạo phát triển và khơi thông nguồn lực; đây là định hướng phù hợp để thiết kế thể chế kinh tế bạc. [\[15\]](#)

Song song, cần sửa đổi Luật Người cao tuổi. Luật sửa đổi nên bổ sung: nguyên tắc tiếp cận dựa trên quyền và chống phân biệt tuổi tác; khái niệm chăm

sóc dài hạn; quyền của người được chăm sóc; điều kiện cung cấp dịch vụ; tiêu chuẩn nhân lực; hợp đồng chăm sóc; bảo vệ dữ liệu; bảo vệ người tiêu dùng; lao động bậc; và trách nhiệm của chính quyền địa phương. Các nội dung về ưu đãi đầu tư, ngân sách và bảo hiểm phải được thiết kế trong quan hệ với luật chuyên ngành, không nên quy định thành ưu đãi chung thiếu điều kiện.

5.2. Xây dựng khung pháp lý thí điểm về chăm sóc dài hạn

Trong ngắn hạn, Chính phủ có thể thí điểm khung quản lý chăm sóc dài hạn tại một số địa phương có tốc độ già hóa cao và năng lực y tế - xã hội phù hợp. Văn bản thí điểm cần phân loại dịch vụ; quy định đánh giá nhu cầu; cấp phép và kiểm định nhà cung cấp; chuẩn tối thiểu về nhân lực, dinh dưỡng, thuốc, phòng ngừa bạo lực và sự cố; mẫu hợp đồng; cơ chế khiếu nại; và trách nhiệm bồi thường.

Cơ chế tài chính nên đa tầng. Ngân sách và trợ giúp xã hội tập trung cho nhóm nghèo, cô đơn, khuyết tật hoặc có nhu cầu chăm sóc nặng; bảo hiểm y tế tiếp tục chi trả dịch vụ thuộc phạm vi y tế; bảo hiểm chăm sóc dài hạn tự nguyện có thể được thử nghiệm sau khi có chuẩn dịch vụ; người sử dụng đồng chi trả theo khả năng; Nhà nước đặt hàng dịch vụ thiết yếu tại cộng đồng. Việc nghiên cứu bảo hiểm bắt buộc chỉ nên được thực hiện sau đánh giá đầy đủ về dữ liệu, năng lực quản lý và tác động phân phối.

5.3. Kiến tạo thị trường bậc an toàn và bảo vệ người tiêu dùng cao tuổi

Cần ban hành hướng dẫn chuyên biệt về bảo vệ người tiêu dùng cao tuổi trong các lĩnh vực rủi ro cao. Hợp đồng bảo hiểm, tín dụng, đầu tư, chăm sóc và dịch vụ y tế phải dùng ngôn ngữ rõ, công bố toàn bộ chi phí, giải thích rủi ro và dành thời gian cân nhắc phù hợp. Quảng cáo sản phẩm sức khỏe và tài chính hướng đến người cao tuổi cần được kiểm soát chặt; cơ chế bán hàng gây áp lực hoặc lợi dụng sự phụ thuộc phải bị xem là hành vi xâm hại người tiêu dùng để bị tổn thương.

Đối với age-tech và health-tech, nên sử dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát theo từng lĩnh vực, không xây dựng một “sandbox kinh tế bậc” chung. Mỗi thử nghiệm phải có giới hạn về đối tượng, thời gian, địa bàn và dữ liệu; có đánh giá rủi ro, sự đồng ý có hiểu biết, giám sát con người và quy trình xử lý sự cố. Công nghệ hỗ trợ không được thay thế trách nhiệm chuyên môn của nhân viên y tế hoặc người chăm sóc.

5.4. Phát triển lao động bậc và nguồn nhân lực chăm sóc

Chính sách lao động bậc nên gồm ba nhóm công cụ. Một là hỗ trợ doanh nghiệp sử dụng chuyên gia lớn tuổi ở vai trò cố vấn, đào tạo, kiểm soát chất lượng và truyền nghề. Hai là phát triển chương trình đào tạo lại về kỹ năng số, tài chính và khởi nghiệp phù hợp với người cao tuổi. Ba là thiết kế việc làm bán thời gian,

việc làm cộng đồng và chương trình liên thế hệ. Các ưu đãi, nếu có, phải gắn với điều kiện việc làm an toàn, không phân biệt đối xử và không thay thế lao động chính thức bằng lao động cao tuổi có chi phí thấp.

Đồng thời, cần hình thành chuẩn nghề chăm sóc người cao tuổi và lộ trình chứng nhận năng lực. Chương trình đào tạo phải bao gồm chăm sóc chức năng, sa sút trí tuệ, giao tiếp, quyền con người, xử lý sự cố, bảo mật dữ liệu và hỗ trợ người chăm sóc gia đình. Việc chuẩn hóa nghề vừa bảo vệ người sử dụng, vừa tạo một thị trường lao động mới có chất lượng.

5.5. Quản trị dữ liệu, điều phối và lộ trình thực hiện

Chính phủ cần thiết lập cơ chế điều phối liên ngành về kinh tế bạc, có đầu mối thường trực, hệ thống chỉ số và báo cáo định kỳ. Cơ chế này tập trung vào chính sách và giám sát hệ thống, không can thiệp vào quyết định chuyên môn riêng lẻ. Dữ liệu phải được quản trị theo nguyên tắc mục đích cụ thể, tối thiểu hóa, phân quyền truy cập, ghi nhật ký, sửa sai và đánh giá tác động đối với dữ liệu nhạy cảm.

Lộ trình có thể chia thành ba giai đoạn. Giai đoạn 2026-2027: ban hành Đề án quốc gia, rà soát luật, xây dựng bộ chỉ tiêu và chuẩn thí điểm chăm sóc dài hạn. Giai đoạn 2028-2030: triển khai thí điểm tại một số địa phương, đánh giá độc lập về chất lượng, chi phí, khả năng tiếp cận và rủi ro quyền. Giai đoạn 2031-2035: sửa luật và mở rộng các mô hình đã chứng minh hiệu quả. Tiêu chí thành công không chỉ là số doanh nghiệp hoặc quy mô thị trường, mà còn gồm thời gian sống khỏe, khả năng tiếp cận chăm sóc, chi phí hộ gia đình, mức độ hài lòng, số vụ lạm dụng, tỷ lệ khiếu nại được giải quyết và cơ hội tham gia của người cao tuổi.

6. Kết luận

Già hóa dân số đặt Việt Nam trước yêu cầu chuyển đổi thể chế. Khung pháp luật hiện hành đã tạo nền tảng về chăm sóc, trợ giúp và phát huy vai trò người cao tuổi, nhưng chưa đủ để quản trị một hệ sinh thái gồm chăm sóc dài hạn, thị trường dịch vụ, công nghệ, dữ liệu và lao động bạc. Điểm nghẽn cốt lõi không chỉ là thiếu dịch vụ, mà là thiếu sự kết nối giữa quyền của người cao tuổi, điều kiện cung ứng, cơ chế chi trả, giám sát chất lượng và trách nhiệm giải trình.

Khung “kinh tế bạc có trách nhiệm” cho phép kết hợp hai mục tiêu tưởng như đối lập: huy động thị trường và bảo vệ nhóm dễ bị tổn thương. Theo đó, phát triển kinh tế bạc không đồng nghĩa thương mại hóa tuổi già; Nhà nước không bao cấp toàn bộ nhưng cũng không để thị trường tự phát. Vai trò của pháp luật là xác lập chuẩn dịch vụ, mở không gian đổi mới có kiểm soát, bảo vệ người tiêu dùng và dữ liệu, đồng thời mở rộng quyền lựa chọn và khả năng tham gia của người cao tuổi.

Ưu tiên cải cách gồm: ban hành Đề án quốc gia gắn với sửa đổi Luật Người cao tuổi; thí điểm khung chăm sóc dài hạn; chuẩn hóa nhà cung cấp và nhân lực; tăng cường bảo vệ người tiêu dùng cao tuổi; phát triển lao động bậc; và thiết lập cơ chế dữ liệu, điều phối, đánh giá độc lập. Chỉ khi tăng trưởng thị trường được đặt trong giới hạn của quyền, phẩm giá, an toàn và khả năng tiếp cận công bằng, kinh tế bạc mới trở thành động lực phát triển bao trùm.

Tài liệu tham khảo

1. Báo điện tử Chính phủ. “Thủ tướng: Biến ‘kinh tế bạc’ thành động lực tăng trưởng, phát triển; chuyển hóa thách thức già hóa thành cơ hội bứt phá.” Ngày 11 tháng 3 năm 2026. Truy cập ngày 6 tháng 7 năm 2026. <https://baochinhphu.vn/thu-tuong-bien-kinh-te-bac-thanh-dong-luc-tang-truong-phat-trien-chuyen-hoa-thach-thuc-gia-hoa-thanh-co-hoi-but-pha-102260311155857133.htm>.
2. Bộ Chính trị. Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.
3. Cục Thống kê và Quỹ Dân số Liên hợp quốc. *Population Projections for Viet Nam 2024-2074*. Hà Nội, 2025.
4. European Commission. *Green Paper on Ageing: Fostering Solidarity and Responsibility between Generations*. COM(2021) 50 final, 2021.
5. European Commission, Directorate-General for Communications Networks, Content and Technology. *The Silver Economy: Final Report*. Publications Office of the European Union, 2018.
6. European Parliament, Council and Commission. *European Pillar of Social Rights*. 2017.
7. Government of Japan. *Long-Term Care Insurance Act, Act No. 123 of 1997*. Accessed July 6, 2026. <https://www.japaneselawtranslation.go.jp/en/laws/view/3807/en>.
8. Ministry of Health Singapore. “Age Well SG to Support Our Seniors to Age Actively and Independently in the Community.” November 16, 2023. Accessed July 6, 2026. <https://www.moh.gov.sg/newsroom/age-well-sg-to-support-our-seniors-to-age-actively-and-independently-in-the-community/>.

9. Republic of Korea. Long-Term Care Insurance Act, Act No. 8403 of 2007. Accessed July 6, 2026. https://elaw.klri.re.kr/eng_service/lawView.do?hseq=49788&lang=ENG.

10. Thủ tướng Chính phủ. Quyết định số 383/QĐ-TTg ngày 21 tháng 2 năm 2025 phê duyệt Chiến lược quốc gia về người cao tuổi đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045.

11. UNFPA Viet Nam. “Population Ageing in Viet Nam: From Demographic Transition to Development Opportunity.” 2026. Accessed July 6, 2026. <https://vietnam.unfpa.org/en/news/population-ageing-viet-nam-demographic-transition-development-opportunity>.

12. World Health Organization. Active Ageing: A Policy Framework. Geneva: WHO, 2002.

13. World Health Organization. UN Decade of Healthy Ageing: Plan of Action 2021-2030. Geneva: WHO, 2020.

[1] Cục Thống kê và Quỹ Dân số Liên hợp quốc, Population Projections for Viet Nam 2024-2074 (Hà Nội, 2025); UNFPA Viet Nam, “Population Ageing in Viet Nam: From Demographic Transition to Development Opportunity,” 2026, <https://vietnam.unfpa.org/en/news/population-ageing-viet-nam-demographic-transition-development-opportunity>, accessed July 6, 2026.

[2] European Commission, Directorate-General for Communications Networks, Content and Technology, The Silver Economy: Final Report (Publications Office of the European Union, 2018), 6-10.

[3] Báo điện tử Chính phủ, “Thủ tướng: Biến ‘kinh tế bạc’ thành động lực tăng trưởng, phát triển; chuyển hóa thách thức già hóa thành cơ hội bứt phá,” ngày 11 tháng 3 năm 2026, <https://baochinhphu.vn/thu-tuong-bien-kinh-te-bac-thanh-dong-luc-tang-truong-phat-trien-chuyen-hoa-thach-thuc-gia-hoa-thanh-co-hoi-but-pha-102260311155857133.htm>, truy cập ngày 6 tháng 7 năm 2026.

[4] Luật Người cao tuổi 2009, Điều 2.

[5] World Health Organization, UN Decade of Healthy Ageing: Plan of Action 2021-2030 (WHO, 2020), 3-5; World Health Organization, Active Ageing: A Policy Framework (WHO, 2002), 12.

[6] Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 383/QĐ-TTg, mục I-II.

[7] Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2023, Điều 8.

[8] Luật Bảo hiểm xã hội 2024, Điều 21.

[9] Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân 2025, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026.

[10] European Parliament, Council and Commission, European Pillar of Social Rights (2017), principle 18; European Commission, Green Paper on Ageing: Fostering Solidarity and Responsibility between Generations, COM(2021) 50 final (2021).

[11] European Commission, The Silver Economy: Final Report.

[12] Republic of Korea, Long-Term Care Insurance Act, Act No. 8403 of 2007, arts. 1-8, https://elaw.klri.re.kr/eng_service/lawView.do?hseq=49788&lang=ENG, accessed July 6, 2026.

[13] Government of Japan, Long-Term Care Insurance Act, Act No. 123 of 1997, arts. 1 and 3, <https://www.japaneselawtranslation.go.jp/en/laws/view/3807/en>, accessed July 6, 2026.

[14] Ministry of Health Singapore, “Age Well SG to Support Our Seniors to Age Actively and Independently in the Community,” November 16, 2023, <https://www.moh.gov.sg/newsroom/age-well-sg-to-support-our-seniors-to-age-actively-and-independently-in-the-community/>, accessed July 6, 2026.

[15] Bộ Chính trị, Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025, mục I-II.

TS. Hà Công Anh Bảo (Khoa Luật, Trường ĐH Ngoại thương; baohca@ftu.edu.vn); Phạm Tấn Phát (Viện Kinh tế và kinh doanh quốc tế, Trường ĐH Ngoại thương; k62.2312150204@ftu.edu.vn)